

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 576/2023/TLST-VDS ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc “Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 128/2025/QĐ-TA ngày 09 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Nguyễn Minh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985;

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1961;

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966;

4. Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1986;

5. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là tổ B, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Anh T1 có mặt; anh L, ông K, bà B, chị Kiều O và chị O vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu anh Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phân quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn L trong khối tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn K là thửa đất số 120, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.012m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1.712m²; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.703m², đất trồng lúa; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.574m², đất trồng lúa và thửa đất số 128, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.669m², đất trồng lúa, các thửa đất tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 18/10/2005, số vào sổ H01690, H01692, H01691 và H01694, do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên Giấy chứng nhận, để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nhận định:

[1] Về thẩm quyền và xác định yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Minh T yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là tổ B, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), để thi hành án. Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L, ông K, bà B, chị Kiều O và chị O đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Chủ tọa phiên họp tiến hành giải quyết vắng mặt anh L, ông K, bà B, chị Kiều O và chị O theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu của anh Nguyễn Minh T, thấy rằng:

Theo Bản án số 113/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền 70.000.000 đồng.

Quá trình thi hành án, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp) xác định anh L có chung quyền sử dụng đất và chung hộ khẩu với ông Nguyễn Văn K ở tổ B, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là tổ B, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), anh L hiện tại không có tài sản riêng.

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn K mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp cho Tòa án kèm theo Công văn số 552/CNVPĐKĐĐ-ĐKCG-LT ngày 09/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Chi nhánh

Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp), xác định được hộ ông Nguyễn Văn K được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang công nhận quyền sử dụng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.012m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1.712m²; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.703m², đất trồng lúa; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.574m², đất trồng lúa và thửa đất số 128, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.669m², đất trồng lúa, các thửa đất tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), cấp cùng ngày 18/10/2005, số vào sổ H01690, H01692, H01691 và H01694 (các thửa đất số 120, 121, 124 và 128 được chia tách từ các thửa đất số 108, 109, 110 và 110^a, diện tích 9.384m², hộ ông Nguyễn Thanh T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00191, cấp ngày 10/7/2000).

Tại Công văn số 30/CAX ngày 22/5/2024 và Công văn số 74/CAX ngày 22/5/2024 của Công an xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thể hiện vào thời điểm ngày 10/7/2000 và ngày 18/10/2005 hộ ông Nguyễn Văn K bao gồm 5 nhân khẩu sau: Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kiều O và chị Nguyễn Thị O.

Đối chiếu với quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai thì “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Mà tại khoản 33 Điều 3 Luật Đất đai quy định “Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho người đang sử dụng đất ổn định đối với thửa đất xác định theo quy định của Luật này”. Do đó, hộ ông Trần Văn Mỹ T3 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là hộ được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 10/7/2000, gồm có ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kiều O và chị Nguyễn Thị O.

Mặt khác, ông K, bà B, anh L, chị Kiều O và chị O không phản đối yêu cầu của anh L, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Như vậy có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Văn L có quyền sử dụng 1 phần 5 đối với các thửa đất số 120, 121, 124 và 128 nêu trên.

Xét ý kiến phát biểu về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên họp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Về lệ phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu lệ phí theo quy định khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, các điều 149, 227, 228, 361, 367, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 25 và 33 Điều 3 của Luật Đất đai; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Xác định anh Nguyễn Văn L có quyền sử dụng 1 phần 5 đối với các thửa đất số 120, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.012m², đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1.712m²; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.703m², đất trồng lúa; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.574m², đất trồng lúa và thửa đất số 128, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.669m², đất trồng lúa, các thửa đất tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 18/10/2005, số vào sổ H01690, H01692, H01691 và H01694, do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên Giấy chứng nhận.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh T1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0002216 ngày 28/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp), nên anh T1 đã thi hành xong lệ phí.

Anh T1 có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh L1, ông K, bà B, chị Kiều O và chị O có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Công Vĩnh Đức